TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/DS-ST
Ngày: 13 - 01 - 2025.
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tuấn Khanh.

Ông Đặng Hoàng Mích.

- ***Thư ký phiên Tòa****:* Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 349/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 02/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Lê Thị C,** sinh ngày 20/10/1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **1. Ông Võ Quang T,** sinh ngày 01/8/1965 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 01/01/1967 (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của ông T: **Bà Nguyễn Thị Thu H,** sinh năm 1967, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Bến Tre, là đại diện theo ủy quyền của ông T. (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 9 năm 2024). (bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2024, bản tự khai ngày 23/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:*

+ Tiền nợ hụi:

Bà có tham gia chơi 04 dây hụi do bà H làm chủ hụi, hụi có lãi và có hoa hồng, cụ thể:

- *Dây hụi thứ nhất:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2022 (âm lịch), có 22 phần, bà tham gia 02 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 20 kỳ với tổng số tiền là 200.000.000 đồng, trừ cho hụi thảo 10.000.000 đồng, còn lại 190.000.000 đồng.

- *Dây hụi thứ hai:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2023 (âm lịch), có 22 phần, bà tham gia 02 phần, hụi khui mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 07 kỳ, với số tiền không nhớ cụ thể, nhưng sau đó bà H có chốt lại cho bà số tiền là 44.500.000 đồng.

- *Dây hụi thứ ba:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2022 (âm lịch), có 25 phần, bà tham gia 02 phần, mua 01 phần, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 23 kỳ, với số tiền không nhớ cụ thể, nhưng sau đó bà H có chốt lại cho bà số tiền là 66.000.000 đồng.

- *Dây hụi thứ tư:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), có 25 phần, dây hụi này bà mua lại từ bà H 02 phần, hụi khui mỗi tháng 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng. Sau khi tham gia bà đóng hụi sống được 18 kỳ, với số tiền không nhớ cụ thể, nhưng sau đó bà H có chốt lại cho bà số tiền là 22.940.000 đồng.

Tổng cộng: 04 dây hụi bà H còn nợ bà số tiền là 323.440.000 đồng.

+ Tiền nợ vay:

Ngày 24/7/2023, ông T, bà H có mượn của bà số tiền là 60.000.000 đồng, thỏa thuận đến tháng 01/2024 trả, không tính lãi, có làm giấy tay mượn tiền và hai bên có ký xác nhận.

Tại phiên Tòa: Bà thống nhất với phía bà H tại dây hụi thứ nhất, hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2022 (âm lịch), chỉ lấy tiền vốn là 121.500.000 đồng và không tính lãi suất. Nên số tiền nợ hụi của 04 dây hụi là 254.940.000 đồng.

Vì vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu ông T và bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi là 254.940.000 đồng và tiền nợ vay là 60.000.000 đồng. Tổng cộng là 314.940.000 đồng và không tính lãi suất.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/9/2024, 06/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:*

- Đối với tiền nợ hụi: bà C có tham gia chơi 04 dây hụi do bà làm chủ hụi, cụ thể:

+ *Dây hụi thứ nhất:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2022 (âm lịch), thực tế có 25 phần, bà C chơi 02 phần, đóng được 20 phần hụi sống. Dây hụi này chưa mãn nên bà xin trả lại tổng số tiền vốn thực tế bà C đã đóng là: 60.750.000 đồng x 2 phần = 121.500.000 đồng, chứ không phải số tiền 200.000.000 đồng như bà C trình bày.

+ *Dây hụi thứ hai:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2023 (âm lịch). Thống nhất phần trình bày của bà C, nên dây hụi này bà thừa nhận còn nợ bà C 44.500.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ ba:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2022 (âm lịch), có 26 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng. bà C tham gia chơi 02 phần và có mua 01 phần, đóng được 22 lần hụi sống. Nên bà đồng ý trả cho bà C số tiền thực tế đã đóng là: 16.370.000 đồng x 3 phần = 49.110.000 đồng chứ không phải số tiền 66.000.000 đồng như bà C trình bày.

+ *Dây hụi thứ tư:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), gồm 25 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng. Dây hụi này bà C chơi 02 phần, đóng được 16 phần hụi sống với số tiền mỗi phần là 11.470.000 đồng. Bà đồng ý trả lại bà C số tiền thực tế đã đóng là:

11.470.000 đồng x 02 phần = 22.940.000 đồng.

Nên tổng cộng 04 dây hụi bà còn nợ bà C là: 121.500.000 đồng + 44.500.000 đồng + 49.110.000 đồng + 22.940.000 đồng = 238.050.000 đồng.

Các dây hụi bị bể nguyên nhân do bà bị các hụi viên giật không đóng hụi, nên bà không đủ khả năng choàng hụi.

- Đối với tiền nợ vay: bà H thừa nhận có vay 60.000.000 đồng của bà C và vẫn còn nợ số tiền này, nhưng khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng, bà đã đóng lãi được 15 tháng với số tiền là 54.000.000 đồng .

Tại phiên tòa, bà H thống nhất với bà C như sau:

+ *Dây hụi thứ 1:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2022 (âm lịch), nay bà thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà C là 121.500.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ 2:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2023 (âm lịch), nay bà thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà C là 44.500.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ 4:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), nay bà thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà C là 22.940.000 đồng.

Riêng dây hụi thứ ba vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày chỉ nợ 49.110.000 đồng mà không phải 66.000.000 đồng.

Vì vậy, bà thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà C số tiền nợ hụi là 238.050.000 đồng và tiền nợ vay 60.000.000 đồng. Tổng cộng 298.050.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500 nghìn đồng và xin không tính lãi suất.

** Tại bản tự khai ngày 23/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Quang T trình bày:*

ông T có biết bà H làm chủ hụi, biết bà C có chơi hụi, nhưng việc chơi hụi cụ thể như thế nào thì ông không nắm. Khi bể hụi, thì giữa bà H và bà C có chốt hụi lại với nhau và ông có ký tên vào giấy chốt nợ. Đối với tiền nợ vay thì ông không biết cụ thể nhưng ông có ký tên vào giấy vay tiền. Nay qua yêu cầu khởi kiện của bà C thì ông cũng đồng ý cùng bà H trả nợ cho bà C nhưng số tiền thì không thống nhất với bà C, mà chỉ xin trả tiền vốn.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:*

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 254.940.000 đồng và tiền nợ vay là 60.000.000 đồng. Tổng cộng là 314.940.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

bà C có tham gia chơi hụi do bà H làm chủ hụi và số tiền hụi bà H nợ lại bà là 254.940.000 đồng, tiền nợ vay là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 314.940.000 đồng. Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền nợ hụi và nợ vay là 314.940.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là*"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 471; Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 31/10/2023, Công an xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận ông Võ Quang T, bà Nguyễn Thị Thu H có đăng ký thường trú tại ấp Bình Thạnh 1, xã Thạnh Trị, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

** Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 254.940.000 đồng và tiền nợ vay là 60.000.000 đồng, tổng cộng là 314.940.000 đồng.

+ Tiền nợ hụi:

Cơ sở chứng cứ: Giấy chốt tiền nợ hụi giữa bà H, ông T với bà C không đề ngày tháng năm.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa bà C và bà H có giao dịch chơi hụi với nhau và tại phiên tòa hai bên đã thống nhất được số tiền nợ hụi tại 03 dây hụi:

+ *Dây hụi thứ 1:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2022 (âm lịch), nay bà H thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà C là 121.500.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ 2:* Hụi 5.000.000 đồng, mở ngày 10/02/2023 (âm lịch), nay bà H thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà C là 44.500.000 đồng.

+ *Dây hụi thứ 4:* Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/01/2023 (âm lịch), nay bà H thống nhất còn nợ và đồng ý trả cho bà C là 22.940.000 đồng.

Nay bà H thừa nhận còn nợ và đồng ý trả cho bà C số tiền nợ hụi của 03 dây hụi nêu trên. Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là *"Giấy chốt tiền nợ hụi giữa bà H, ông T với bà C"*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

+ Riêng dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2022 (âm lịch), theo giấy chốt tiền nợ hụi, bà H có chốt lại cho bà C số tiền nợ là 66.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa bà H xác định chỉ nợ 49.110.000 đồng, nên chỉ đồng ý trả 49.110.000 đồng. *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Giấy chốt nợ hụi có đầy đủ chữ ký của bà H và ông T, bà H cũng thừa nhận chữ viết trong giấy là do bà tự viết và ký tên, tại Tòa giữa bà với bà C cũng thống nhất dây hụi ghi số tiền 66.000.000 đồng là dây hụi 1.000.000 đồng ngày 15/10/2022 (âm lịch), bà C tham gia 02 phần, mua 01 phần. Trước đây, bà H xác định bà C chỉ tham gia chơi 02 phần, nhưng tại phiên Tòa, bà H xác định lại bà C có mua thêm 01 phần, tổng cộng 03 phần, là phù hợp theo giấy chốt nợ ghi 03 phần tổng cộng là 66.000.000 đồng, bà H có ký tên xác nhận và phù hợp với lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, xác định có nghe bà C nói lúc mới khui hụi là chơi 02 phần, mua 01 phần; nên căn cứ theo giấy chốt tiền nợ hụi do bà H ghi và ký tên số tiền nợ là 66.000.000 đồng. Do đó, bà C yêu cầu trả 66.000.000 đồng là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Như vậy, tổng cộng số tiền nợ hụi của 04 dây hụi bà H nợ bà C là: 121.500.000 đồng + 44.500.000 đồng + 66.000.000 đồng + 22.940.000 đồng = 254.940.000 đồng.

Nay bà H làm chủ hụi nhưng chưa thanh toán đầy đủ cho phía bà C số tiền hụi mà bà C đã đóng khi tuyên bố bể hụi, là vi phạm nghĩa vụ của người chủ hụi theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, nên bà C khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ hụi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về tiền nợ hụi.

*** Tiền nợ vay:**

Cơ sở chứng cứ: Giấy vay tiền đề ngày 24/7/2023.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định được giữa bà C và bà

H có giao dịch vay tiền với nhau vào ngày 24/7/2023 và số nợ hiện bà H còn nợ bà C là 60.000.000 đồng.

bà H thừa nhận có vay tiền của bà C nhưng vay trước đó chứ không phải vay 01 lần ngày 24/7/2023, nhưng hiện nay bà còn nợ bà C 60.000.000 đồng chưa trả là đúng, bà H thừa nhận chữ viết và chữ ký trong "*Giấy vay tiền ngày 24/7/2023"* là do bà H viết và ký tên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Từ cơ sở trên, xác định được giữa bà C với bà H có quan hệ giao dịch vay tiền, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, thỏa thuận đến tháng 01/2024 trả. Mặc dù, trong giấy tay ghi không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế phía bà H cho rằng có lãi suất 6%/tháng, bà C chỉ thừa nhận có tính lãi 3%/tháng, nên được xem là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua Hợp đồng vay thấy rằng, bà H đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi cho bà C, nên bà C khởi kiện yêu cầu bà H trả 60.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

bà C chỉ yêu cầu trả vốn của tiền nợ hụi và nợ vay, không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Đối với yêu cầu tính lãi lại của bà H để khấu trừ vào số tiền vốn gốc.
Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng có thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng đối với tiền nợ vay, bà đã đóng lãi được 15 tháng với số tiền là: 3.600.000 đồng x 15 tháng = 54.000.000 đồng nhưng bà C không thừa nhận. Tại phiên tòa, bà C chỉ thừa nhận có nhận 03 tháng tiền lãi với mức lãi suất 3%/tháng, nên số tiền là: 1.800.000 đồng x 3 tháng = 5.400.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà H không có yêu cầu tính lãi lại theo quy định pháp luật để khấu trừ vào số tiền nợ vốn gốc, do bà C đã bớt không tính lãi suất đối với tiền nợ hụi cho bà, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Xét yêu cầu buộc ông Võ Quang T có nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy: bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định, hiện vẫn sống và sinh hoạt chung gia đình với nhau. Đồng thời mục đích bà H làm chủ hụi, vay tiền để lo kinh tế gia đình, kiếm tiền hoa hồng sinh hoạt chi tiêu trong gia đình, chứ không cờ bạc hay tiêu xài cá nhân; đồng thời ông T có ký xác nhận nợ vào giấy nợ cùng với bà H và nay qua yêu cầu khởi kiện của bà C, thì ông cũng đồng ý cùng bà H trả nợ nhưng xin được trả vốn cho bà C. Vì vậy, buộc ông T có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà H, ông T:

bà H, ông T xin được trả dần mỗi tháng 500 nghìn đồng, do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn không thể trả ngay một lần cho bà C được, nhưng bà C không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[9]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận, nên bà H và ông T phải liên đới chịu án phí của số tiền là: 254.940.000 đồng + 60.000.000 đồng = 314.940.000 đồng x 5% = 15.747.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471; Điều 463, 466, 470; 288 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C đối với bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Quang T về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi và Hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Quang T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị C số tiền nợ hụi và nợ vay là 314.940.000 đồng (Ba trăm mười bốn triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Trong đó:

+ Nợ hụi: 254.940.000 đồng (Hai trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

+ Nợ vay: 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị C không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ hụi và nợ vay.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Võ Quang T phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 15.747.000 đồng (Mười lăm triệu, bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên